

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 148/2023/HC-ST
Ngày: 15 - 9 - 2023
V/v: “Kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Ánh Hồng

Bà Đặng Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Vương Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 109/TLST-HC ngày 19/6/2023, về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 156/2023/QĐXXST-HC ngày 09/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2023/QĐST-HC ngày 28/8/2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Khánh H; địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

1.2. Ông Nguyễn Văn N; địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

1.3. Ông Phan Minh L; địa chỉ: Buôn J, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

1.4. Bà Trịnh Thị L1; địa chỉ: A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

1.5. Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: H N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

1.6. Ông Đinh Văn N1; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của những người khởi kiện: Ông Hoàng Ngọc T; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân thành phố B; Địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại T1 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ: A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (Vắng mặt).

Ông Võ Quang H2 – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B (Có mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ý; địa chỉ: 1 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân B; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày có nội dung như sau:

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đ đã ban hành quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059 m² đất của công ty C2 trong đó có diện tích đất nhận khoán của các hộ ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Khánh H, ông Phan Minh L, bà Trịnh Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 và ông Đinh Văn N1 cụ thể như sau:

Ngày 21/4/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía tây Đại học B1 5,4ha) (gọi tắt là Quyết định số 3102/QĐ-UBND) đối với diện tích đất nhận khoán của các hộ ông Nguyễn Văn N, ông Nguyễn Khánh H, ông Phan Minh L, bà Trịnh Thị L1, bà Nguyễn Thị H1 và ông Đinh Văn N1 cụ thể như sau:

1. Đối với hộ ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Ý:

Năm 1996, gia đình ông N, bà Ý nhận khoán chăm sóc 02 lô cà phê của Nông trường 11/3 (sau này là Công ty C2), tổng diện tích đo đạc thực tế là 6.738,3m², thuộc thửa đất số 3, tờ bản đồ số 65, tại phường T, thành phố B. Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/12/2020. Trong thời gian thực hiện gia đình ông N, bà Ý thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cho Công ty.

Theo Quyết định số 3102/QĐ-UBND thì gia đình ông N, bà Ý chỉ nhận được số tiền bồi thường về tài sản trên đất là **423.405.077 đồng**.

Gia đình ông N, bà Ý khiếu nại. Ngày 09/7/2020, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Quyết định số 4801/QĐ-UBND Gia đình ông N, bà Ý chỉ nhận được số tiền bồi thường là 45.264.150 đồng.

Nội dung hai quyết định trên đều không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất đối với hộ gia đình ông N, bà Ý. Nên ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Ý khởi kiện.

Bản án số 84/2021/HC-ST ngày 23/12/2021, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Ý: Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND và Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Ý theo quy định pháp luật.

1. Đối với hộ ông Nguyễn Khánh H:

Thửa đất số 05, tờ bản đồ số 65 diện tích 3.182,3 m² tại tổ dân phố H, phường T, thành phố B có nguồn gốc do gia đình ông H ký hợp đồng nhận khoán đất và cây cà phê trên đất với Công ty C2, theo hợp đồng kinh tế số 57Đ3/2012/HĐ ngày 17/5/2012.

Theo Quyết định số 3102/QĐ-UBND thì gia đình ông H được bồi thường cây trồng và tài sản gắn liền với đất.

Gia đình ông H khiếu nại thì ngày 09/7/2020 UBND thành phố B ban hành quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường cho gia đình ông chi phí đầu tư còn lại vào đất.

Nội dung cả hai Quyết định trên của UBND thành phố B đều không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, hỗ trợ về đất cho gia đình mình nên ông H đã khởi kiện.

Bản án số 61/2021/HC-ST ngày 30/9/2021, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H: Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND và Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông Nguyễn Khánh H.

3. Đối với hộ bà Trịnh Thị L1,

Năm 2016, bà L1 nhận sang nhượng của bà Nguyễn Thị H3 4049,5m² đất giao khoán cà phê với Công ty C2 và được Công ty đồng ý. Theo Quyết định số 3102/QĐ-UBND Ngày 21/4/2020, UBND thành phố B và Quyết định số 4801/QĐ-UBND thì hộ bà L1 chỉ được bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc, cây trồng trên đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại và không bồi thường, hỗ trợ về đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất. Do đó, bà L1 đã khởi kiện đề nghị Tòa án hủy một phần: Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020; một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần hỗ trợ về đất,

hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất và tái định cư cho gia đình bà theo quy định của pháp luật.

Bản án số 59/2021/HC-ST ngày 30/9/2021, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị L1: Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND và Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình bà Trịnh Thị L1.

4. Đối với bà Nguyễn Thị H1:

Bà Nguyễn Thị H1 và Công ty C2 ký hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê số 32Đ3/2012/HĐ ngày 29/03/2012 với diện tích 4.875m² đất trồng cà phê, thời hạn hợp đồng từ ngày 29/3/2012 đến ngày 31/12/2020 tại thửa đất số 32, tờ bản đồ số 65, phường T.

Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B không bồi thường, hỗ trợ về đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình bà. Do đó, bà đề nghị Tòa án hủy một phần: Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020; một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần hỗ trợ về đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình bà theo quy định.

Bản án số 59/2021/HC-ST ngày 30/9/2021, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1: Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020; Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung phần hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ bà Nguyễn Thị H1 theo quy định của pháp luật.

5. Đối với hộ ông Phan Minh L:

Hộ ông Phan Minh L và Công ty C2 ký hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với diện tích 5.057,3m² đất trồng cà phê.

Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B không bồi thường, hỗ trợ về đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình.

Ông Phan Minh L đã khởi kiện đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ – UBND ngày 21/4/2020 và một phần quyết định số 4801/QĐ – UBND ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B. Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung, trong đó: hỗ trợ 80% giá trị về đất đối với diện tích 5.057,3m², hỗ trợ chi phí đào tạo chuyển đổi nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho gia đình ông.

Bản án số 47/2021/HC-ST ngày 24/9/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh L: Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ – UBND ngày 21/4/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B và Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ – UBND ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B; Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm và hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất cho hộ gia đình ông Phan Minh L.

6. Đối với hộ ông Đinh Văn N1:

Hộ ông Đinh Văn N1 ký hợp đồng nhận khoán đất trồng cây cà phê trên đất với công ty C2 vào ngày 04/4/2012 đối với Thửa đất số thửa đất số 06, tờ bản đồ số 65; diện tích 3023 m² tại tổ dân phố H, phường T, thành phố B. Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020 UBND thành phố B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Trong đó gia đình ông N1 được bồi thường cây trồng và tài sản gắn liền với đất. Sau đó gia đình ông khiếu nại thì ngày 09/7/2020 UBND thành phố B ban hành quyết định số 4801/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường cho gia đình ông chi phí đầu tư còn lại vào đất bị thu hồi nhưng không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, không hỗ trợ về đất. nên hộ ông N1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, và Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B.

Bản án số 41/2021/HC-ST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn N1: Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020 và Quyết định số 4801/QĐ-UBND ngày 09/7/2020 của UBND thành phố B. Buộc UBND thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông Đinh Văn N1 đối với diện tích đất cà phê nhận khoán bị thu hồi.

*Thực hiện các Bản án nêu trên, ngày 27/7/2022, Ủy ban Nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số: 6849/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ nói trên.

Thời điểm ban hành Quyết định số: 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2022, nhưng UBND thành phố B đã áp dụng Bảng giá đất quy định tại Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 trong khi văn bản này đã hết hiệu lực thi hành và đã được thay thế bởi Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 03/7/2022 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành giá các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024 là trái quy định pháp luật.

Quyết định số: 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 không phê duyệt khoản lãi chậm chi trả theo khoản 2 Điều 93 của Luật đất đai năm 2013 là sau 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường lần thứ nhất vào ngày 21/4/2020 tại Quyết định 3102/QĐ-UBND là không đúng quy định của pháp luật.

Nay những người khởi kiện yêu cầu Tòa án: Hủy một phần Quyết định số : 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban Nhân dân thành phố B về phê duyệt

phương án bổ sung và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án cụ thể:

[1] Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm theo giá đất theo Quyết định số: 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đ về ban hành bảng giá và quy định bảng giá các loại đất áp dụng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024.

[2] Về lãi suất chậm chi trả tính từ ngày bàn giao mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4 ha) thành phố B tỉnh Đắk Lắk.

*** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đại T1 trình bày:**

* Đối với đơn khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1, UBND thành phố B có ý kiến như sau:

a. Về nguồn gốc đất:

- Đất của các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 là đất các hộ hợp đồng giao khoán sản xuất cà phê với C1 cà phê Buôn Ma T2 bị thu hồi theo Quyết định số 07/QĐ-UBND Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Khoản 2, Điều 82 Luật Đất đai năm 2013 “*Trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường về đất: Đất được Nhà nước giao để quản lý*”. Như vậy, diện tích đất thu hồi của các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1 và ông Đinh Văn N1 sử dụng là đất Nhà nước giao cho Công ty C2 quản lý, nay Nhà nước thu hồi đất thì không đủ điều kiện bồi thường về đất.

b. Về chính sách hỗ trợ:

Ngày 27/7/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6849/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4ha) thành phố B, với tổng kinh phí là 6.471.957.000 đồng. Sau khi ban hành Quyết định số 6849/QĐ-UBND vào các ngày 12/8/2022 và ngày 15/8/2022 các hộ gia đình đã nhận tiền hỗ trợ cụ thể:

- Hộ bà Trịnh Thị L1 đã nhận số tiền là 545.645.000 đồng.
- Hộ ông Nguyễn Khánh H đã nhận số tiền là 450.690.500 đồng.
- Hộ ông Đinh Văn N1 đã nhận số tiền là 417.633.500 đồng.
- Hộ ông Nguyễn Văn N đã nhận số tiền là 925.980.500 đồng.
- Hộ ông Phan Minh L đã nhận số tiền là 703.815.500 đồng.
- Hộ bà Nguyễn Thị H1 đã nhận số tiền là 697.515.500 đồng.

* Việc ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 yêu cầu hủy một phần Quyết định số 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B phải áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ là không có cơ sở bởi vì:

Quyết định số 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án

hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4 ha) thành phố B (phê duyệt bổ sung cho Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày **21/04/2020**, tại thời điểm ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND thì Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ vẫn còn hiệu lực). Do đó, việc UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6849/QĐ-UBND là đúng theo quy định.

* Đối với việc ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 yêu cầu được tính lãi suất chậm chi trả tính từ ngày bàn giao mặt bằng.

Sau khi UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày **21/04/2020** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T, thành phố B (giáp đường Vành đai phía Tây và Đại học B 5,4ha). Tuy nhiên 06 hộ dân nêu trên không chấp hành bàn giao mặt bằng và nhận tiền bồi thường theo đúng quy định, nên ngày **25/6/2020** UBND thành phố B ban hành Quyết định 4341/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất được áp dụng theo Khoản 2, Điều 11, Thông tư số 30/2014/TT-BTBM, ngày 02/06/2014 của Bộ T3 Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất. Ngày 09/7/2020 đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất và các hộ dân đã bàn giao mặt bằng và nhận tiền bồi thường hỗ trợ cụ thể là: Hộ bà Trịnh Thị L1 đã nhận số tiền 452.519.622 đồng; hộ ông Nguyễn Khánh H nhận số tiền là 206.781.724 đồng; hộ ông Đinh Văn N1 đã nhận số tiền là 140.729.455 đồng; ông Nguyễn Văn N đã nhận số tiền là 423.405.077 đồng; hộ ông Phan Minh L đã nhận số tiền là 334.497.085 đồng; hộ bà Nguyễn Thị H1 đã nhận số tiền là 413.642.112 đồng. *(Kèm theo các phiếu chi trả tiền bồi thường hỗ trợ)*. Nên việc 06 hộ dân yêu cầu lãi xuất chậm chi trả tính từ ngày cưỡng chế thu hồi đất, bàn giao mặt bằng cho đến nay là không có cơ sở.

Từ những căn cứ nêu trên, Tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến trình bày của đương sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 LTTHC chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 về việc:

- Hủy một phần Quyết định số Quyết định số 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4 ha) thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Buộc UBND thành phố B phải áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi

nghề và tìm kiếm việc làm cho những người khởi kiện theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 về việc “Buộc UBND thành phố B phải thanh toán thêm khoản lãi suất chậm chi trả tính từ ngày bàn giao mặt bằng thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4 ha) thành phố B, tỉnh Đắk Lắk”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án.

Ngày 27/7/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6849/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4ha) thành phố B.

Ngày 07/6/2023, ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy một phần quyết định nêu trên là còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1,:

[2.1] *Đối với việc áp dụng văn bản để tính mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thấy rằng:*

Tại các bản án số số 41/2021/HC-ST ngày 16/9/2021; Số 47/2021/HC-ST ngày 24/9/2021; số 59/2021/HC-ST ngày 30/9/2021; số 61/2021/HC-ST ngày 30/9/2021 và số 84/2021/HC-ST ngày 23/12/202 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk chấp nhận yêu cầu khởi kiện Hủy một phần Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020, của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất” và Hủy một phần Quyết định số 4801/QĐ-UBND, ngày 09/7/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố B “Về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”. Đối với các hộ gia đình ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1.

Ngày 27/7/2022, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành lại Quyết định số 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 theo quy định pháp luật.

Mặc dù, Quyết định số 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 là Quyết định phê duyệt bổ sung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1;

bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 cho Quyết định số 3102/QĐ-UBND, ngày 21/4/2020. Đáng lẽ, khi ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ phải áp dụng văn bản đang có hiệu lực thi hành nhưng UBND thành phố B lại áp dụng Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ, trong khi văn bản này đã hết hiệu lực thi hành và đã được thay thế bởi Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 03/7/2022 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành giá các loại giá đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2024 là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 về nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu UBND thành phố B phải tính lãi suất chậm chi trả tính từ ngày bàn giao mặt bằng thực hiện dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4 ha) thành phố B tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày **21/04/2020** UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3102/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Tuy nhiên các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 không thực hiện việc bàn giao mặt bằng và nhận tiền bồi thường.

Ngày **25/6/2020** UBND thành phố B ban hành Quyết định số 4341/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất. Thời gian thực hiện cưỡng chế thu hồi đất vào ngày 9/7/2020:

- Cùng ngày 09/7/2020 và ngày 16/7/2020 các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 đã nhận số tiền bồi thường hỗ trợ.

Do Quyết định số 3102/QĐ-UBND ngày 21/4/2020, không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, hỗ trợ ổn định sản xuất cho các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 là thiếu sót nên Quyết định này đã bị TAND tỉnh Đắk Lắk hủy và buộc UBND thành phố B bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất.

Ngày 27/7/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 6849/QĐ-UBND về việc bổ sung các khoản tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho các hộ ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 và các hộ đã nhận tiền hỗ trợ vào các ngày 12/8/2022 và ngày 15/8/2022 cụ thể:

- Hộ bà Trịnh Thị L1 đã nhận số tiền là 545.645.000 đồng.
- Hộ ông Nguyễn Khánh H đã nhận số tiền là 450.690.500 đồng.
- Hộ ông Đinh Văn N1 đã nhận số tiền là 417.633.500 đồng.
- Hộ ông Nguyễn Văn N đã nhận số tiền là 925.980.500 đồng.
- Hộ ông Phan Minh L đã nhận số tiền là 703.815.500 đồng.

- Hộ bà Nguyễn Thị H1 đã nhận số tiền là 697.515.500 đồng.

Theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013 thì:

“ 1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi.

2.Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả”.

Qua đó xác định được việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi theo Quyết định số 3102/QĐ-UBND Ngày 21/04/2020 và Quyết định số 6849/QĐ-UBND, Ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B là trong thời hạn và phù hợp quy định pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi suất chậm chi trả tính từ ngày bàn giao mặt bằng của những người khởi kiện .

[3] Về án phí: Do Quyết định hành chính bị hủy một phần nên UBND thành phố B phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Những người khởi kiện ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 69; Điều 74; Điều 75; điểm a, b khoản 2 Điều 83; Khoản 1, 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2] Tuyên xử:

[2.1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1.

Hủy một phần Quyết định số 6849/QĐ-UBND ngày 27/7/2022 của UBND thành phố B về việc phê duyệt phương án bổ sung hỗ trợ và chi phí thực hiện phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư phường T (khu 5,4 ha), thành phố B, phần nội dung Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm để hỗ trợ lại theo đúng quy định của pháp luật.

Buộc UBND thành phố B phải áp dụng hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho những người khởi kiện theo Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 của UBND tỉnh Đ

[2.2]. Bác yêu cầu của ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 về lãi xuất chậm chi trả tính từ ngày bàn giao mặt bằng .

[3]. Về án phí: Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Nguyễn Khánh H; ông Nguyễn Văn N; ông Phan Minh L; bà Trịnh Thị L1; bà Nguyễn Thị H1; ông Đinh Văn N1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị H1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0003754 ngày 14/6/2023; Bà Trịnh Thị L1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0003753 ngày 14/6/2023; Ông Nguyễn Khánh H được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0003751 ngày 14/6/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (đều do ông Nguyễn Xuân B nộp thay).

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án Hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Thị Tuyết